



**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

**NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN**

**PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG  
TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VI BẢO NGỌC**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ  
TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG**

**Mã số: 60.34.02.01**

**Đà Nẵng - 2017**

Công trình được hoàn thành tại  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐN**

**Người hướng dẫn KH: TS. HỒ HỮU TIẾN**

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Hòa Nhân

Phản biện 2: TS. Tống Thiện Phước

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng họp tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng vào ngày 26 tháng 8 năm 2017

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Vốn là yếu tố quan trọng hàng đầu trong chiến lược phát triển của doanh nghiệp, quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn đứng vững trên thị trường thì doanh nghiệp đó phải có một lượng vốn nhất định, lượng vốn đó góp phần đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp diễn ra liên tục. Sử dụng vốn lưu động có sự ảnh hưởng quyết định đến kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, do vậy việc phân tích tình hình sử dụng vốn lưu động tại doanh nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng.

Trong năm năm vừa qua, doanh thu công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc mặc dù có sự tăng trưởng song lợi nhuận không được như kỳ vọng, chi phí còn khá lớn. Ngoài ra, việc quản lý hàng tồn kho và các khoản phải thu chưa thật sự hiệu quả, dẫn đến chi phí lưu kho cao, các khoản bị chiếm dụng lớn. Trong năm 2016, mặc dù doanh thu tăng song lợi nhuận lại giảm, số vòng quay vốn lưu động giảm, tỷ suất sinh lợi vốn lưu động lại giảm dẫn đến hiệu quả sử dụng vốn lưu động thấp. Do đó việc nghiên cứu tình hình sử dụng vốn lưu động là vấn đề cần thiết nhằm đề xuất những khuyến nghị góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty. Chính vì vậy, tôi chọn đề tài: “*Phân tích tình hình sử dụng vốn lưu động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc*” làm luận văn tốt nghiệp.

### 2. Mục tiêu nghiên cứu

#### a. Mục tiêu tổng quát

Phân tích tình hình sử dụng VLĐ, nhận diện những thành công, tồn tại; xác định nguyên nhân nhằm đề xuất khuyến nghị nâng

cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc

***b. Nhiệm vụ nghiên cứu***

- Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về vốn lưu động và sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp.

- Phân tích tình hình sử dụng vốn lưu động của Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc, xác định những thành công, tồn tại cùng nguyên nhân.

- Đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động của công ty này.

***c. Câu hỏi nghiên cứu:***

- Nghiên cứu tình hình sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp bao gồm nghiên cứu những vấn đề gì?

- Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp là gì? Các tiêu chí phản ánh hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp?

- Những nhân tố nào ảnh hưởng hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp?

- Đặc điểm kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc (bao gồm đặc điểm bên trong và bên ngoài) ảnh hưởng đến tình hình sử dụng vốn lưu động của công ty này?

- Tình hình sử dụng vốn bằng tiền, vốn hàng tồn kho, vốn các khoản phải thu của công ty này như thế nào? Hiệu quả sử dụng vốn lưu động ra sao?

- Những thành công, tồn tại trong vấn đề sử dụng vốn lưu động của công ty này? Nguyên nhân vì sao?

- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc nên làm gì để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động?

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### ***a. Đối tượng nghiên cứu***

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là:

- Lý luận về vốn lưu động và sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp;

- Thực tiễn tình hình sử dụng vốn lưu động của Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc

#### ***b. Phạm vi nghiên cứu***

+ Phạm vi nghiên cứu về nội dung

- Về lý luận

- Về thực tiễn

+ Phạm vi không gian nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu tình hình sử dụng VLD tại Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc

+ Phạm vi thời gian nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu thực trạng sử dụng vốn lưu động của Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc trong khoảng thời gian 2012-2016.

### **4. Phương pháp nghiên cứu:**

Luận văn sử dụng các phương pháp khác nhau làm cơ sở cho việc nghiên cứu như: Phương pháp tổng hợp, hệ thống hóa; phương pháp thu thập dữ liệu thứ cấp; phương pháp chuyên gia; phương pháp so sánh; phương pháp chỉ số; phương pháp lịch sử; phương pháp diễn giải

## **5. Kết cấu luận văn:**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung cơ bản của luận văn được chia làm ba chương:

**Chương 1:** Cơ sở lý luận về vốn lưu động và sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp

**Chương 2:** Phân tích tình hình sử dụng vốn lưu động tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc.

**Chương 3:** Khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động của Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc.

## **6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn**

- Về mặt khoa học: Luận văn hệ thống hóa lý luận cơ bản về vốn lưu động và sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp

- Về mặt thực tiễn: Phân tích và đánh giá tình hình sử dụng vốn tại công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc, nhận định những thành công, tồn tại và nguyên nhân của công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc và đề xuất các khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại.

## **7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

# CHƯƠNG 1

## CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VỐN LƯU ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1.1. VỐN LƯU ĐỘNG

#### 1.1.1. Khái niệm

##### *a. Khái niệm vốn*

##### *b. Khái niệm vốn lưu động*

Vốn lưu động của doanh nghiệp là số tiền ứng trước để đầu tư, mua sắm TSLĐ nhằm đảm bảo quá trình SXKD của doanh nghiệp được tiến hành thường xuyên và liên tục.

##### *c. Đặc điểm của vốn lưu động*

#### 1.1.2. Phân loại vốn lưu động

- Phân loại theo các giai đoạn của quá trình sản xuất kinh doanh
- Phân loại theo hình thái biểu hiện
- Phân loại theo nguồn hình thành

#### 1.1.3. Vai trò của vốn lưu động

### 1.2. SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG

#### 1.2.1. Ước tính nhu cầu vốn lưu động trong doanh nghiệp

- + Phương pháp trực tiếp
- + Phương pháp gián tiếp

#### 1.2.2. Nguồn tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động.

Nguồn tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động là vốn lưu động ròng hoặc nợ ngắn hạn.

Từ chỉ tiêu vốn lưu động ròng, ta có thể phân tích cân bằng tài chính của doanh nghiệp thông qua việc tính toán nhu cầu vốn lưu động ròng và ngân quỹ ròng

### **1.2.3. Hoạch định và thực thi chính sách quản trị từng bộ phận của vốn lưu động.**

#### ***a. Vốn bằng tiền.***

+ Hoạch định mức dự trữ vốn bằng tiền

- Phương pháp tổng chi phí tối thiểu (Mô hình Baumol):

- Mô hình quản lý tiền mặt Miller Orr:

+ Lập dự toán vốn bằng tiền

- Tổ chức quản lý, sử dụng các khoản thu chi vốn bằng tiền

• Mọi khoản thu chi vốn tiền mặt của doanh nghiệp đều phải thực hiện thông qua quỹ, không được thu chi ngoài quỹ, tự thu, tự chi.

• Phải có sự phân định trách nhiệm rõ ràng trong quản lý vốn tiền mặt

• Doanh nghiệp phải xây dựng các quy chế thu chi bằng tiền mặt để áp dụng cho từng trường hợp thu chi.

• Quản lý chặt chẽ các khoản tạm ứng tiền mặt, cần xác định rõ đối tượng tạm ứng, mức tạm ứng và thời hạn thanh toán tạm ứng để thu hồi kịp thời

#### ***b. Vốn các khoản phải thu***

+ Hoạch định chính sách bán tín dụng

- Tiêu chuẩn tín dụng

- Thời hạn tín dụng

- Chiết khấu thanh toán

- Chính sách thu hồi nợ

+ Tổ chức quản trị khoản phải thu khách hàng:

- Mở sổ theo dõi chi tiết các khoản công nợ phải thu trong và ngoài doanh nghiệp và thường xuyên đôn đốc để thu hồi đúng hạn.

- Có biện pháp phòng ngừa rủi ro khi không được thanh toán



- Có chính sách bán chịu đúng đắn đối với từng khách hàng
- Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng bán hàng, nếu vượt quá thời hạn thanh toán theo hợp đồng thì doanh nghiệp được thu lãi suất tương ứng như lãi suất quá hạn của ngân hàng.

- Phân loại các khoản phải thu quá hạn

### ***c. Vốn hàng tồn kho***

- + Hoạch định vốn hàng tồn kho

- Phương pháp quản lý dự trữ theo mô hình số lượng đặt hàng hiệu quả EOQ

- + Tổ chức quản trị hàng tồn kho: đặt mua hàng; nhập hàng, dự trữ hàng; kiểm tra hàng; ghi sổ sách hàng hóa và sắp xếp hàng hóa

## **1.2.4. Hiệu quả sử dụng vốn lưu động**

### ***a. Khái niệm***

Hiệu quả sử dụng vốn lưu động của doanh nghiệp là chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được thể hiện bằng mối quan hệ so sánh giữa kết quả kinh doanh với số vốn lưu động mà doanh nghiệp đã đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh

### ***b. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng vốn lưu động***

#### **b1. Hiệu suất sử dụng vốn lưu động**

- + Hiệu suất sử dụng cá biệt

- Số vòng quay vốn bằng tiền
- Số ngày một vòng quay vốn bằng tiền
- Số vòng quay khoản phải thu
- Kỳ thu tiền bình quân
- Số vòng quay hàng tồn kho
- Số ngày một vòng quay hàng tồn kho

- + Hiệu suất sử dụng tổng hợp

- Số vòng quay vốn lưu động
- Kỳ luân chuyển bình quân vốn lưu động
- Hệ số đảm nhiệm vốn lưu động

b2. Tỷ suất sinh lợi của vốn lưu động

### **1.3. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.3.1. Nhân tố bên ngoài**

- a. Đặc điểm của ngành*
- b. Thị trường.*
- c. Khách hàng mua*
- d. Đối thủ cạnh tranh*
- e. Chính sách kinh tế của Nhà nước*

#### **1.3.2. Nhân tố bên trong**

- a. Quy mô kinh doanh*
- b. Cơ cấu vốn*
- c. Năng lực quản trị điều hành của nhà quản trị doanh nghiệp*
- d. Chính sách kinh doanh*
- e. Trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên*

## CHƯƠNG 2

### PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VI BẢO NGỌC

#### 2.1. GIỚI THIỆU CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VI BẢO NGỌC

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

2.1.2. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

2.1.3. Kết quả hoạt động kinh doanh

#### 2.2. PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VI BẢO NGỌC

2.2.1. Đặc điểm kinh doanh của Công ty

a. *Đặc điểm bên ngoài*

b. *Đặc điểm bên trong*

2.2.2. Phân tích kết cấu chung của vốn lưu động

Qua bảng 2.2 (Trang 56 quyền toàn văn) cho thấy vốn lưu động của Công ty tồn tại dưới dạng vốn tồn kho và giá trị phải thu là chiếm tỷ trọng lớn nhất. Cụ thể giá trị vốn tồn kho của công ty luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất dao động trong khoảng từ 21,46% đến 55,37%. Tiếp đến là khoản phải thu chiếm tỷ trọng dao động trong khoảng từ 19,99% đến 52,64%. Đứng ở vị trí thứ ba là vốn tiền mặt chiếm tỷ trọng từ 2,82% đến 50,92%. Như vậy trong quá trình quản trị vốn lưu động của công ty thì công tác quản trị vốn tồn kho và khoản phải thu phải luôn luôn được đặt lên vị trí hàng đầu, nó là nhân tố quan trọng quyết định đến phần lớn đến hiệu quả trong công tác quản trị vốn lưu động.

### **2.2.3. Phân tích tình hình ước tính nhu cầu và nguồn tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động của Công ty**

Qua phân tích tình hình ước tính nhu cầu vốn lưu động cho thấy vốn lưu động ròng qua các năm đều dương đồng nghĩa với việc công ty có khả năng chi trả các nghĩa vụ ngắn hạn của mình. Mặt khác nó cũng phản ánh NVTX không chỉ sử dụng để tài trợ cho TSDH mà còn sử dụng để tài trợ một phần cho TSLĐ của doanh nghiệp.

Trong các năm, vốn lưu động ròng luôn lớn hơn nhu cầu vốn lưu động ròng vì vậy ngân quỹ ròng đều dương. Điều này cho thấy rằng Công ty không phải đi vay để bù đắp cho sự thiếu hụt của vốn lưu động ròng. Công ty cũng đạt được trạng thái cân bằng tài chính.

### **2.2.4. Phân tích tình hình sử dụng vốn bằng tiền**

Qua phân tích tình hình sử dụng vốn bằng tiền, ta thấy rằng thể hiện vốn bằng tiền trong giai đoạn 2012-2016, ta nhận thấy vốn bằng tiền tăng giảm không đồng đều giữa các năm. Có năm vốn bằng tiền rất cao như năm 2016, có năm lại rất thấp như năm 2015, gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Khi vốn bằng tiền quá thấp, Công ty hoàn toàn rơi vào thế bị động khi có tình huống bất ngờ xảy ra. Ngược lại, vốn bằng tiền quá cao sẽ dẫn đến tình trạng ứ đọng vốn, gây lãng phí. Vì vậy, việc sử dụng vốn bằng tiền thế nào cho hiệu quả là vấn đề Công ty phải quan tâm và có kế hoạch cụ thể. Mặt khác, tỷ trọng tiền mặt luôn cao hơn tiền gửi ngân hàng, điều này sẽ dễ đánh mất cơ hội sinh lãi và phát sinh chi phí cơ hội của việc giữ tiền mặt.

Bên cạnh việc phân tích kết cấu vốn bằng tiền thì cần xem xét thêm khả năng cân đối ngân quỹ của công ty thông qua bảng 2.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016 (trang 62 quyển toàn văn)

### **2.2.5. Phân tích tình hình sử dụng vốn các khoản phải thu**

Qua phân tích tình hình sử dụng vốn các khoản phải thu, ta thấy rằng khoản phải thu khách hàng chiếm phần lớn trong tổng vốn các khoản phải thu và có xu hướng tăng. Việc khoản phải thu tăng chủ yếu là do doanh thu của công ty có mức tăng trưởng mạnh mẽ qua các năm, tuy nhiên khả năng trả nợ của khách hàng rất hạn chế gây tồn đọng vốn. Duy nhất có năm 2014, vốn các khoản phải thu giảm là do doanh thu giảm. Tuy nhiên vì năm này xảy ra một số biến cố về hàng hóa ảnh hưởng đến việc tiêu thụ hàng hóa, vì vậy việc thu hồi vốn nhanh, tránh ứ đọng vốn là việc làm cần thiết để giảm rủi ro thanh toán

Để hiểu rõ hơn về vốn các khoản phải thu, ta phân tích các khoản phải thu đến hạn và các khoản phải thu quá hạn thông qua hình 2.1(Trang 69 quyển toàn văn) Nhìn chung công tác thu hồi nợ của Công ty vẫn còn chưa tốt, các khoản nợ quá hạn vẫn tồn tại làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh. Qua các năm, các khoản thu quá hạn có xu hướng giảm. Mặc dù mức giảm của các khoản thu quá hạn không lớn song thể hiện sự tiến bộ trong việc quản lý các vốn các khoản phải thu.

### **2.2.6. Phân tích tình hình sử dụng vốn hàng tồn kho**

Qua phân tích tình hình sử dụng vốn hàng tồn kho, ta thấy rằng thể hiện vốn hàng tồn kho giai đoạn 2012-2016, ta thấy rằng vốn hàng tồn kho tăng giảm không đồng đều. Khi sức mua hàng hóa tốt, thị trường ổn định thì doanh thu tăng kéo theo vốn hàng tồn kho giảm. Năm 2016, Công ty đã tiếp tục thay đổi một số mặt hàng để dễ tiếp cận với thị trường hơn, nên vốn hàng tồn kho cao. Việc thay đổi này mang lại kết quả khá tốt khi thúc đẩy sự tăng trưởng của doanh thu. Về kết cấu của hàng hóa, hàng kê đơn luôn chiếm tỷ trọng lớn

trong tổng lượng hàng hóa tại công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc. Tỷ trọng luôn chiếm từ trên 80% đến 91% trong khi hàng thầu chỉ chiếm từ 9% đến 30%.

### **2.2.7. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn lưu động**

+ Hiệu suất sử dụng cá biệt.

Qua phân tích số vòng quay vốn bằng tiền, ta thấy rằng chỉ tiêu này tăng giảm không đồng đều. Số vòng quay vốn bằng tiền tăng và số ngày một vòng quay vốn bằng tiền giảm phản ánh hiệu quả sử dụng và sự luân chuyển vốn bằng tiền trong doanh nghiệp khá tốt. Duy nhất năm 2014 số vòng quay vốn bằng tiền rất thấp đồng nghĩa với việc tiền đưa vào tái đầu tư sản xuất kinh doanh chậm. Do Công ty chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh bán buôn thông thường, không có hoạt động đầu tư tài chính nào khác nên khi số vòng quay vốn bằng tiền cao cho thấy hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền chưa tốt.

Qua phân tích số vòng quay các khoản phải thu, ta thấy rằng chỉ tiêu tăng và kỳ thu tiền giảm. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ tốc độ thu hồi các khoản phải thu càng tốt. Năm 2015, số vòng quay các khoản phải thu giảm và kỳ thu tiền tăng chứng tỏ rằng mặc dù hoạt động kinh doanh tốt song vốn lại tập trung vào các khoản phải thu dẫn đến hiệu suất sử dụng vốn các khoản phải thu chưa tốt.

Qua phân tích số vòng quay hàng tồn kho, ta thấy rằng chỉ tiêu này tăng giảm không đồng đều. Chỉ tiêu này cao thể hiện tốc độ luân chuyển càng lớn. Tuy nhiên số vòng quay hàng tồn kho có lúc tăng cao lúc lại giảm rất mạnh do hàng hóa đầu vào không ổn định, Công ty phải liên tục tìm kiếm các mặt hàng mới để thay thế nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng doanh thu.

Để có đánh giá rõ hơn về hiệu suất sử dụng cá biệt, ta so sánh với chỉ số của ngành và của đối thủ cạnh tranh vào năm 2016. Cụ thể sẽ được trình bày y theo bảng 2.9 (Trang 71 quyển toàn văn)

+ Hiệu suất sử dụng tổng hợp

Qua phân tích số vòng quay vốn lưu động, ta nhận thấy rằng số vòng quay vốn lưu động bình quân qua các năm đều lớn hơn 1, chứng tỏ tốc độ luân chuyển khá tốt. Tuy nhiên, số vòng quay lại có xu hướng giảm sẽ kéo dài số ngày của một vòng quay từ đó làm cho hiệu quả của dòng vốn lưu động bị giảm sút.

Về chỉ tiêu hệ số đảm nhiệm vốn lưu động, chỉ tiêu này cho biết 1 đồng doanh thu thuần đảm nhiệm bởi bao nhiêu đồng vốn lưu động qua các năm 2012-2016, các chỉ tiêu này đều nhỏ hơn 1. Chỉ số này càng thấp thể hiện rằng công ty đang nỗ lực nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động

Về chỉ tiêu tỉ suất sinh lợi vốn lưu động, phản ánh một đồng vốn lưu động có thể tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận. Ta nhận thấy rằng tỷ suất sinh lợi vốn lưu động biến động không ổn định. Theo như kết quả cho thấy tỉ suất sinh lợi năm 2013 đạt giá trị tốt nhất, đồng nghĩa với việc sử dụng vốn lưu động trong năm này đã mang lại hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

Sau khi phân tích tỷ suất sinh lợi vốn lưu động, ta xem xét hai nhân tố ảnh hưởng đến tỷ suất sinh lợi vốn lưu động. Đó là tỷ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần và số vòng quay vốn lưu động. Cụ thể các nhân tố ảnh hưởng như thế nào sẽ được trình bày trong bảng 2.11 (Trang 74 quyển toàn văn).

Mở rộng thêm là sự phân tích ảnh hưởng của tỷ suất sinh lợi vốn lưu động đến tỷ suất sinh lợi vốn bình quân. Cụ thể như thế nào sẽ được trình bày trong bảng 2.12 (Trang 76 quyển toàn văn)

## **2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **2.3.1. Thành công về tình hình sử dụng vốn lưu động của Công ty**

- Về công tác đáp ứng nhu cầu vốn lưu động trong kinh doanh

Trong những năm qua, vốn lưu động đáp ứng được cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường, liên tục, không bị gián đoạn.

- Về tình hình sử dụng vốn bằng tiền.

Công ty vừa theo dõi tổng hợp với theo dõi chi tiết luồng tiền vào, luồng tiền ra, vừa quản lý tiền mặt và tài khoản ngân hàng đúng theo quy định của Nhà nước, vừa quản lý theo đối tượng và mục đích sử dụng tiền; thường xuyên kiểm kê lượng tiền mặt tại quỹ để phòng ngừa những rủi ro, tổn thất trong quá trình quản lý quỹ.

- Về tình hình sử dụng khoản phải thu

Công ty đã thực hiện quản trị chi tiết theo từng khách hàng, quản lý theo từng nhóm hàng để từ đó có biện pháp thu hồi công nợ kịp thời đối với từng loại hàng hoá theo đặc tính luân chuyển của chúng.

### **2.3.2. Tồn tại và nguyên nhân về tình hình sử dụng vốn lưu động của Công ty**

#### ***a. Những tồn tại về tình hình sử dụng vốn lưu động của Công ty:***

- Việc ước tính nhu cầu vốn lưu động chỉ dựa trên cảm tính, nên việc sử dụng vốn lưu động chưa mang lại hiệu quả.

- Công tác tính toán sử dụng vốn bằng tiền còn chưa khoa học, còn mang tính cảm tính và ước lượng, đơn vị chưa lập dự toán vốn bằng tiền.



- Công ty chưa có biện pháp quản trị vốn hàng tồn kho một cách khoa học, chưa lập dự toán vốn hàng tồn kho.

- Chưa tìm hiểu tình trạng của các đối tượng phải thu để có những biện pháp thu hồi nợ hiệu quả, đặc biệt là những khoản phải thu đã tồn tại quá lâu.

- Việc kiểm soát hàng hóa của Công ty tiêu thụ trên thị trường còn bất cập

- Hàng hóa không ổn định, hiện tượng đứt hàng hoặc hàng bị ngừng kinh doanh xảy ra liên tục, làm ảnh hưởng đến thị trường đầu ra và uy tín của Công ty

***b. Nguyên nhân:***

- Công ty chưa có Phòng tài chính đầu tư riêng để phục vụ công tác quản trị vốn và đầu tư vốn.

- Công tác tổ chức thực hiện thực tế chưa khoa học

- Tính toán xây dựng kế hoạch cho nhu cầu về vốn lưu động không được chính xác

- Việc kiểm soát hàng hóa của Công ty trên thị trường chưa chặt chẽ, các bộ phận làm việc với nhau chưa có sự phối hợp dẫn đến những sai sót không đáng có.

- Các hợp đồng kinh tế chưa được thực hiện chặt chẽ.

- Công ty chưa đưa ra được một quy trình thanh toán thống nhất như thủ tục thanh toán

- Công tác kế toán chỉ dừng lại đơn thuần ở việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo các chuẩn mực kế toán hiện hành.

- Chưa có bộ phận đặt hàng, kiểm soát hàng hóa riêng biệt

- Các nhà cung cấp, phân phối hàng hóa cung cấp những hàng hóa không có tính ổn định hoặc thành phần không đảm bảo làm ảnh hưởng đến Công ty.

**CHƯƠNG 3**  
**KHUYẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG**  
**VỐN LƯU ĐỘNG CỦA CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI**  
**DƯỢC PHẨM VI BẢO NGỌC**

**3.1. CĂN CỨ KHUYẾN NGHỊ**

**3.1.1. Định hướng hoạt động công ty**

*a. Định hướng*

*b. Chiến lược phát triển*

*c. Chỉ tiêu kinh doanh năm 2017*

**3.1.2. Phương hướng sử dụng vốn lưu động**

**3.2. KHUYẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ**  
**DỤNG VỐN LƯU ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**3.2.1. Khuyến nghị đối với Công ty**

+ Ước tính nhu cầu vốn lưu động

Căn cứ vào kế hoạch doanh thu năm 2017 là 16 tỷ đồng

Doanh thu thực tế năm 2016 là: 14.271 tỷ đồng

**Bảng 3.1. Bảng tỷ lệ phần trăm so với doanh thu của các chỉ tiêu biến động theo doanh thu**

	ĐVT	SỐ TIỀN	TỶ TRỌNG
<b>I. TÀI SẢN</b>		<b>6.035</b>	<b>42,29</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Trđ	1.357	9,51
2. Phải thu khách hàng	Trđ	2.214	15,52
3. Hàng tồn kho	Trđ	2.463	17,26
<b>II. NGUỒN VỐN</b>		<b>2.725</b>	<b>19,10</b>
1. Phải trả người bán	Trđ	1.853	12,99
2. Người mua trả tiền trước	Trđ	523	3,66
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Trđ	348	2,44
4. Phải trả người lao động	Trđ		-
5. Chi phí phải trả	Trđ		-
6. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	Trđ		-

(Nguồn: Tự tính toán)

Chênh lệch tỷ lệ với doanh thu của các chỉ tiêu phần tài sản và nguồn vốn là:  $42,29\% - 19,10\% = 23,19\%$ . Như vậy, với dự kiến doanh thu là 16 tỷ đồng, thì nhu cầu vốn lưu động cần thiết phải tăng thêm là:

$$(16.000 - 14.271) \times 23,19\% = 400 \text{ triệu đồng}$$

Từ đó ta xác định nhu cầu vốn lưu động của năm 2017 phải tăng thêm 400 triệu đồng so với năm 2016. Từ đó, công ty sẽ có các biện pháp thích hợp để huy động vốn như: Nguồn tài trợ từ lợi nhuận nếu nguồn lợi nhuận đủ để trang trải cho phần vốn tăng thêm; nguồn vốn vay nếu nhu cầu vốn lớn hơn so với nguồn vốn bên trong.

+ Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng tiền

- Hoạch định ngân sách tiền mặt

Bằng cách sử dụng phương pháp ước tính số thu và chi tiền mặt, công ty ước tính tổng tiền mặt thu vào và chi ra của các khoản mục chính cho giai đoạn lập kế hoạch.

Theo phương pháp trên, ta có thể lập kế hoạch tiền mặt trong năm 2017 như sau: Khoảng 60% doanh thu bán hàng sẽ thu được trong được trong tuần, 40% doanh thu còn lại sẽ thu trong 30 ngày. Giả sử doanh số bán hàng các ngày trong nhiều tuần là ổn định.. Khi mua hàng của nhà cung cấp, công ty phải thanh toán ngay hoặc chỉ chiếm 30 ngày. Các chi phí bán hàng và chi phí quản lý phát sinh thường phụ thuộc vào doanh thu thực hiện được, và chiếm 1,5% doanh thu thực hiện được.

Trên cơ sở kế hoạch doanh thu đối với các nhà thuốc là 9,6 tỷ đồng

- Kế hoạch thu đối với các nhà thuốc : Bảng 3.2 (Trang 89 quyền toàn văn)

- Kế hoạch thu đối với các bệnh viện: Bảng 3.3 (Trang 89 quyền toàn văn)

- Kế hoạch chi: Bảng 3.4 (Trang 89 quyền toàn văn)

- Kế hoạch ngân quỹ: Bảng 3.5 (Trang 90 quyền toàn văn)

Nhìn chung, tiền vẫn đủ đáp ứng nhu cầu vốn bằng tiền, mức thu ở quý I thấp hơn so với các quý khác. Do đó, công ty nên chủ động xây dựng kế hoạch tìm nguồn tài trợ bổ sung cho lượng tiền bị thiếu này. Công ty nên dự tính sát và tương đối các nguồn thu và nguồn chi, để có thể dự tính kế hoạch huy động vốn kịp thời cho lượng tiền cần thiết.

- + Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn các khoản phải thu

- Tổ chức quản lý chặt chẽ đối tượng phải thu

- Xây dựng chính sách bán tín dụng

Hệ thống tiêu chuẩn đánh giá khách hàng tối thiểu phải có đầy đủ các thông tin sau:

- Kỳ hạn thanh toán bình quân
  - Thời gian đã có quan hệ kinh tế với đơn vị
  - Sản lượng mua từng mặt hàng mỗi năm, mỗi quý
  - Sản lượng tối đa, tối thiểu mỗi lần mua hàng
  - Khả năng tài chính của khách hàng
- Tổ chức quản lý theo dõi các khoản phải thu

Xem bảng 3.6. (Trang 92 quyển toàn văn)

Thông qua bảng báo cáo này, ta có thể biết khoản nợ nào đã trả, khoản nợ nào chưa trả, khoản nợ nào đã đi quá hạn, từ đây công ty có căn cứ để lập kế hoạch xử lý đối với các khoản nợ quá hạn như ngừng cung cấp thuốc, tiến hành các thủ tục pháp lý để đòi nợ, đối với các khoản nợ tới hạn thì gửi thư nhắc nhở khách hàng trả tiền đúng hạn, từ đó góp phần nâng cao khả năng thu hồi nợ của công ty.

- Xác định số nợ phải thu trong kỳ.

Xác định được giá trị phải thu sẽ giúp Công ty sẽ lập ra kế hoạch và các biện pháp để thu hồi số khoản phải thu theo kế hoạch. Ngoài ra, việc xác định này sẽ giúp Công ty nắm bắt được lượng vốn lưu động thừa hay thiếu trong kỳ để có những biện pháp và kế hoạch bổ sung kịp thời

Song song với việc dự kiến nợ phải thu, Công ty cần áp dụng đồng bộ hai giải pháp sau:

- Giới hạn của lượng vốn phải thu hồi: Công ty cần xác định mức giới hạn của lượng vốn phải thu hồi. Nếu lượng vốn phải thu quá lớn thì không thể cung cấp hàng nữa vì điều đó sẽ làm tăng rủi ro cho Công ty.

- Tổ chức các biện pháp thu hồi các khoản phải thu : Công ty cần phải kiểm soát chu kỳ tín dụng, nếu chu kỳ quá dài thì cần phải đẩy nhanh hơn tiến trình này.

Chính sách thu hồi nợ liên quan đến các thủ tục mà công ty sử dụng để thu hồi các khoản nợ quá hạn. Thủ tục thu nợ mà công ty có thể áp dụng: như bảng 3.7 (Trang 95 quyển toàn văn)

+ Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn hàng tồn kho

- Hoạch định ngân sách vốn tồn kho hiệu quả và khoa học như có thể áp dụng mô hình số lượng đặt hàng hiệu quả (EOQ)

- Thường xuyên cập nhật thông tin và đánh giá về tình hình sử dụng, tình trạng tồn trữ hàng hóa của Công ty

- Lập kế hoạch kiểm tra hàng hóa trong khâu thu mua để đảm bảo số lượng, chất lượng, giá cả, chủng loại, phương tiện thanh toán với chi phí rẻ nhất

- Lập kế hoạch tiêu thụ hàng hóa, tích cực quảng bá hình ảnh và sản phẩm của công ty để thu hút thêm khách hàng mới.

- Tìm hiểu, thăm dò, nghiên cứu kỹ về thị trường để nắm được tình hình biến động giá cả trong và ngoài nước để lựa chọn mặt hàng nhập về.

+ Tổ chức tốt việc tiêu thụ nhằm đẩy nhanh tốc độ luân chuyển VLD

- Xây dựng và mở rộng hệ thống cung cấp được phẩm ở thị trường đang có nhu cầu, đẩy mạnh công tác tiếp thị

- Áp dụng chính sách ưu tiên về giá cả, điều kiện thanh toán và phương tiện vận chuyển với những khách hàng mua hàng với số lượng lớn, thường xuyên hay có khoảng cách vận chuyển xa.

+ Tăng cường công tác kiểm tra tài chính nhằm tránh lãng phí thất thoát VLD

- Định kỳ tháng, quý nên kiểm kê, đánh giá lại toàn bộ hàng hóa, vốn bằng tiền, vốn trong thanh toán để xác định số VLD hiện có của Công ty theo giá trị hiện tại

- Quản lý chặt chẽ việc mua sắm cũng như dự trữ hàng tồn kho, tránh thất thoát, giảm giá trị

- Mua bảo hiểm hàng hóa đối với những hàng hóa đang đi đường cũng như những hàng hóa nằm trong kho

- Trích lập quỹ dự phòng tài chính

+ Rà soát lại danh sách các nhà cung cấp hàng hóa đầu vào

+ Xây dựng bộ phận tìm kiếm, liên hệ với nhà cung cấp và khách hàng, giám sát việc nhập hàng và tiêu thụ hàng hóa

+ Rà soát lại hồ sơ sản phẩm

+ Nâng cao năng lực quản lý tài chính thông qua công tác bồi dưỡng cán bộ

- Thường xuyên đánh giá tổng kết về cơ cấu tổ chức, về trình độ nghiệp vụ của nhân viên, từ đó có các khóa học chuyên sâu nâng cao trình độ chuyên môn.

- Nâng cao năng lực quản lý tài chính thông qua công tác nhân viên và đưa ra những ưu đãi

+ Phân chia nhiệm vụ, công việc rõ ràng

+ Tăng doanh thu, quản lý chi phí nhằm tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động

- Tăng doanh thu:

• Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo thị trường để nắm bắt kịp thời nhu cầu của thị trường, tổ chức mạng lưới tiêu thụ có hiệu quả,

- Tăng cường công tác tiếp thị, nghiên cứu thị trường để nắm bắt các yêu cầu của khách hàng về số lượng, chất lượng

- Quản lý chi phí:

- Công ty cần kiểm soát khâu giá cả hàng hóa đầu vào.

- Công ty phải có chính sách để quản lý đội ngũ bán hàng để tăng cường hiệu quả làm việc, góp phần làm tăng doanh thu cho Công ty.

- Giảm tối đa các khoản chi phí không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

### **3.2.2. Khuyến nghị đối với Cục Quản lý Dược**

- Đội Quản lý thị trường của Cục Quản lý Dược cần kiểm soát dược phẩm chặt chẽ hơn ngay từ khâu cấp số đăng ký để hạn chế dược tình trạng như trên.

- Cục Quản lý Dược cần cân nhắc trong việc điều chỉnh mức giá trong bảng kê khai giá hàng tháng, tránh tình trạng thay đổi mức giá quá nhiều.



## KẾT LUẬN

Vốn kinh doanh nói chung, vốn lưu động nói riêng là yếu tố đảm bảo cho quá trình sản xuất của doanh nghiệp diễn ra thường xuyên và liên tục. Tuy nhiên, việc sử dụng vốn lưu động như thế nào để mang lại hiệu quả là vấn đề không đơn giản. Đồng vốn sử dụng không hiệu quả sẽ kéo dài sự trì trệ của hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy, doanh nghiệp phải có những quyết định đúng đắn về phương thức sử dụng vốn.

Qua phân tích tình hình sử dụng vốn lưu động tại Công ty, tác giả đã hoàn thành luận văn cao học với đề tài: ***“Phân tích tình hình sử dụng vốn lưu động tại Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc”***. Với sự nỗ lực của bản thân trong nghiên cứu những vấn đề lý luận cũng như đi sâu tìm hiểu thực tế, cùng với sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn **T.S Hồ Hữu Tiến**, luận văn cơ bản đã giải quyết được một số trình bày một số vấn đề cơ bản sau:

- Đưa ra lý luận tổng quát và tương đối đầy đủ về tình hình sử dụng vốn lưu động tại doanh nghiệp, thể hiện tầm quan trọng và vai trò của vốn lưu động đối với các doanh nghiệp, góp phần quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

- Phân tích tình hình sử dụng vốn lưu động tại công ty Thương mại Dược phẩm Vi Bảo Ngọc trong giai đoạn vừa qua, từ đó có những kết luận, đánh giá, nhận xét những thành quả đạt được và tồn tại cần phải giải quyết.

- Đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại Công ty.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nghiên cứu, tìm tòi nhưng do trình độ hiểu biết còn hạn chế, cộng với tìm hiểu về tình hình sử dụng vốn lưu động của Công ty trong thời gian ngắn nên những đánh

giá và khuyến nghị khó tránh khỏi những thiếu sót, tác giả chỉ mới đưa ra được một số nhận xét, đánh giá về tình hình sử dụng vốn lưu động tại Công ty và từ đó đưa ra một số khuyến nghị nhằm nâng cao tình hình sử dụng vốn lưu động tại Công ty. Tuy nhiên, với nội dung đã thực hiện trong luận văn, tác giả hy vọng sẽ phần nào giúp ích cho công ty có thể thực hiện tốt hơn nội dung phân tích tình hình hiệu quả sử dụng vốn lưu động tại công ty nhằm giúp các nhà quản lý và các đối tượng quan tâm đến công ty có được những thông tin hữu ích, kịp thời để từ đó đưa ra được những quyết định đúng đắn, phù hợp nhất.

## **Khoa Quản lý chuyên ngành**

Đã kiểm tra và xác nhận:

Tóm tắt luận văn được trình bày theo đúng quy định về hình thức và đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Chung', is written over a faint, light blue circular stamp. The signature is written in a cursive style and is positioned above a long, thin horizontal line that extends to the right.